TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số 02/2023/HS-ST
Ngày 03-03-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Mạnh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Công Hòa
Ông Dương Văn Đắc
- Thư ký phiên toà: Bà Hà Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Dương Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức Kim B, sinh ngày 27-10-1996; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim N và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 5/2017 bị Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, xử phạt 350.000 đồng. Ngày 20/8/2020 bị Công an xã V, huyện B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Tại các quyết định xử phạt trên Nguyễn Đức Kim B đã nộp phạt và đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/8/2022 đến nay. Có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 02-6-1988; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị X; vợ: Nguyễn Thu H; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm

giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/8/2022 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 23-9-1996; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chính B và bà Tạ Thị L; vợ: Dương Hiền C; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/8/2022 đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Viết H, sinh ngày 11-10-1997; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị H; vợ: Lê Thị N; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/8/2022 đến nay. Có mặt.

5. Phạm Quang D, sinh ngày 16-6-1988; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Chu Thị H; vợ: Hoàng Thị L; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 20/8/2022 đến ngày 16/11/2022 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là bảo lĩnh từ ngày 16/11/2022 đến nay. Có mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Anh Phạm Văn D1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

4. Chị Dương Hiền C, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

+ Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị X, sinh năm 2008;

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thúy V, sinh năm 2007;

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.Vắng mặt

3. Chị Dương Thi Thu X, sinh năm 2007;

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

4. Chị Nông Mùi N, sinh năm 2005;

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt

Người dám hộ cho những người làm chứng Hoàng Thị X, Nguyễn Thúy V, Dương Thị Thu X, Nông Mùi N, là bà: Dương Thị H - Chuyên viên Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bắc Sơn, tỉnh lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 19/8/2022 tại phòng hát trong quán Karaoke Lâm Phương của Dương Công L, sinh năm 1981 thuộc thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Công an huyện Bắc Sơn phát hiện, bắt quả tang 08 (tám) đối tượng có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Nguyễn Đức Kim B, sinh năm 1996, trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Phạm Văn T, sinh năm 1988, Phạm Quang D, sinh năm 1988 cùng trú tại thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Thị X, sinh năm 2008, hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Q, huyện Si, tỉnh Lào Cai; Nguyễn Thúy V, sinh năm 2007, hộ khẩu thường trú: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Dương Thị Thu X, sinh năm 2007, hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng và Nông Mùi N, sinh năm 2005, hộ khẩu thường trú: xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Thu giữ trên nền trong phòng hát 01 (một) đĩa sứ màu trắng trên bề mặt đĩa có các chất dạng tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy Ketamine); 01 (một) ống hút được quấn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng); 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức Kim B. Các đối tượng Nguyễn Đức Kim B, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Phạm Quang D giao nộp cho Tổ công tác 04 (bốn) chiếc điện thoại di động của bản thân và 03 (ba) xe mô tô. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại các phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 20/8/2022 của Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tiến hành làm xét nghiệm chất ma túy bằng phương pháp xét nghiệm nhanh, thông qua nước tiểu thử đối với các đối tượng bị bắt quả tang. Kết quả các đối tượng Nguyễn Đức Kim B, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T, Phạm Quang D, Dương Thị Thu X và

Nguyễn Thúy V đều dương tính với ma túy; các đối tượng Nông Mùi N và Hoàng Thị X âm tính với ma túy.

Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T là bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T cùng bàn bạc để bị cáo Nguyễn Đức Kim B liên lạc mua ma túy với bị cáo Nguyễn Viết H, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Nguyễn Viết H tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, thu giữ số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) trong tủ quần áo ở trong phòng ngủ của Nguyễn Viết H (là tiền bị cáo Nguyễn Viết H bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B mà có). Bị cáo Nguyễn Viết H và vợ là Lê Thị N, sinh năm 2000, trú cùng thôn với N đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn 02 (hai) chiếc điện thoại di động của bản thân. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra làm rõ: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/8/2022, bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1 hẹn gặp nhau ở sân bóng xã V, huyện B. Tại đây các đối tượng bàn bạc, rủ nhau mua ma túy và gọi nhân viên nữ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke. Sau khi bàn bạc bị cáo Nguyễn Đức Kim B sử dụng điện thoại di động của mình gọi điện qua mạng xã hội Facebook đến tài khoản *"Hải bánh"* của bị cáo Nguyễn Viết H hỏi mua 01 (một) chỉ ma túy Ketamine và 02 (hai) viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc). Bị cáo Nguyễn Viết H đồng ý bán 01 (một) chỉ ma túy Ketamine với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và mỗi viên ma túy tổng hợp với giá 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cả Ketamine và ma túy tổng hợp là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Nguồn gốc số ma túy này là do bị cáo Nguyễn Viết H đi xuống khu vực thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mua với một người không quen biết với giá 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) mang về nhà cất giấu, mục đích để sử dụng và bán lại kiếm lời. Sau khi thỏa thuận thống nhất giá, do bị cáo Nguyễn Viết H không ở nhà nên bị cáo Nguyễn Viết H đã nói với bị cáo Nguyễn Đức Kim B đi xuống nhà mình, bị cáo Nguyễn Viết H sẽ bảo vợ lấy ma túy cho. Sau khi hỏi mua được ma túy, bị cáo Nguyễn Đức Kim B nói lại giá với bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Nguyễn Văn T1, cả ba thống nhất để bị cáo Nguyễn Đức Kim B sẽ trả tiền mua ma túy trước, tổng tiền ma túy, tiền hát và gọi nhân viên nữ sẽ chia đều. Sau đó bị cáo Nguyễn Văn T1 nhắn tin đặt phòng hát, còn bị cáo Phạm Văn T gọi điện cho Dương Văn C, sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để gọi nhân viên nữ xuống quán Karaoke L thuộc thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn phục vụ nhóm của mình. Do trước đó bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nhắn tin rủ bị cáo Phạm Quang D đi hát có nhân viên nữ phục vụ nên sau khi các đối tượng bàn bạc thống nhất việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy xong thì bị cáo Phạm Quang D đi đến chỗ nhóm bị cáo Nguyễn Đức Kim B. Lúc này bị cáo Phạm Quang D biết bị cáo Nguyễn Đức Kim B và bị cáo Phạm Văn T đi mua

ma túy về sử dụng nhưng bị cáo Phạm Quang Du không được tham gia bàn bạc, thống nhất về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó bị cáo Phạm Văn T điều khiển xe chở phía sau bị cáo Nguyễn Đức Kim B đến nhà bị cáo Nguyễn Viết H để mua ma túy. Bị cáo Phạm Quang D và bị cáo Nguyễn Văn T1 cũng di chuyển đến địa điểm quán Karaoke.

Bị cáo Nguyễn Viết H sau khi thống nhất bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B đã gọi điện qua mạng xã hội Facebook đến số tài khoản của vợ là Lê Thị N, bị cáo Nguyễn Viết H chỉ chỗ cho vợ lấy bao thuốc lá Thăng Long để ở chân cầu thang nhà đưa cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B và nhận số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Kim B đưa cho, bị cáo Nguyễn Viết H không nói cho vợ biết bên trong bao thuốc lá có chứa chất ma túy. Khi bị cáo Phạm Văn T chở bị cáo Nguyễn Đức Kim B đến nhà bị cáo Nguyễn Viết H thì bị cáo Phạm Văn T dừng xe và chờ bên ngoài cách cổng nhà bị cáo Nguyễn Viết H khoảng 10m, bị cáo Nguyễn Đức Kim B một mình đi vào thì Lê Thị N đưa bao thuốc lá Thăng Long theo lời dặn của bị cáo Nguyễn Viết H, Lê Thị N cũng không kiểm tra bên trong bao thuốc lá có gì mà cầm ra đưa cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B và nhận số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) do Nguyễn Đức Kim B đưa. Sau khi mua được ma túy bị cáo Phạm Văn T điều khiển xe chở Nguyễn Đức Kim B đến quán Karaoke L thuộc thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi, Phạm Văn T đặt một phòng hát và ra đón trả tiền taxi cho 04 (bốn) nhân viên nữ đã gọi trước gồm: Hoàng Thị X, Nguyễn Thúy V, Dương Thị Thu X, và Nông Mùi N. Bị cáo Nguyễn Đức Kim B đưa số ma túy vừa mua cho Phạm Văn T rồi cùng các nhân viên nữ vào phòng hát trước, sau đó Nguyễn Văn T1 và Phạm Quang D đến sau cũng đi vào phòng hát. Khoảng 05 phút sau Phạm Văn T đi vào cầm theo 01 (một) đĩa sứ và gói ma túy đưa cho Nguyễn Đức Kim B để Nguyễn Đức Kim B chuẩn bị cho mọi người cùng sử dụng rồi Phạm Văn T ra ngoài ngồi nói chuyện với chủ quán. Bị cáo Nguyễn Đức Kim B lấy ma túy ra, nghiền nhỏ hai viên ma túy tổng hợp (kẹo) cho vào hai cốc rồi rót nước Côca vào hai chiếc cốc đó. Sau đó Nguyễn Đức Kim B lấy ra tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) đưa cho Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thúy V đưa lại cho Dương Thị Thu X quấn thành ống hút để sử dụng ma túy Ketamine. Sau đó, Nguyễn Đức Kim B nói với Nguyễn Văn T1 đi lấy giấy về đốt hơ nóng đĩa sứ để sử dụng ma túy. Sau khi Nguyễn Văn T1 lấy giấy về Nguyễn Đức Kim B và Nguyễn Văn T1 cùng nhau hơ nóng đĩa sứ, Nguyễn Văn T1 dùng đèn flas của điện thoại soi cho Nguyễn Đức Kim B để Nguyễn Đức Kim B sử dụng thẻ căn cước công dân của mình xào ke (xào ma túy Ketamine). Nguyễn Đức Kim B xào 1/2 số ma túy Ketamine, số còn lại đưa lại cho Nguyễn Văn T1 cất. Sau khi xào xong Nguyễn Đức Kim B đặt ra bàn rồi bảo Nguyễn Văn T1 gọi Phạm Văn T vào cùng sử dụng ma túy. Trong lúc sử dụng ma túy Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 mời mọi người trong phòng hát sử dụng ma túy (gồm ma túy tổng hợp đã được pha ra hai cốc Coca và ma túy Ketamine). Sau khi sử dụng xong Phạm Văn T cầm đĩa sứ ra nhà vệ sinh cất. Khoảng 30 phút sau Nguyễn Văn T1 ra lấy đĩa vào đưa cho Nguyễn Thúy V, Nguyễn Thúy V

đốt hơ nóng đĩa, Nguyễn Văn T1 lấy ma túy cho Nguyễn Đức Kim B, trong khi Nguyễn Đức Kim B đang tiếp tục xào ke thì bị lực lượng Công an bắt quả tang như nêu trên.

Ngày 20/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 47 đối với vật chứng thu giữ trong vụ án. Ngày 27/10/2022, ra Quyết định trưng cầu giám định số 60 đối với vật chứng là số tiền thu giữ trong quá trình khám xét nhà của Nguyễn Viết H và số tiền được quấn làm ống hút trong quá trình bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 300/KL-PC09 ngày 22/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *Chất bột tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có khối lượng 0,146 gam (đã trừ bì).*

Tại Bản kết luận giám định số 07/KL-PC09 ngày 11/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *Số tiền 2.720.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) có trong 02 (hai) phong bì gửi giám định là tiền thật.*

Với kết quả như trên, ngày 26/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can là ra Lệnh tạm giam đối với các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Nguyễn Viết H về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Phạm Quang D về tội Không tố giác tội phạm để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSBS-HS ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Viết H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ Luật hình sự; bị cáo Phạm Quang D về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Nguyễn Đức Kim B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đề nghị mức án đối với Nguyễn Đức Kim Bảo từ 07 năm 03 tháng đến 8 năm tù giam; đối với Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam; không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy đề nghị mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù giam; không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Phạm Quang D phạm tội không tố giác tội phạm đề nghị mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù; cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ số ma túy Ketamine và các dụng cụ để sử trái phép chất ma túy thu giữ tại phòng hát Karaoke; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền liên quan đến hành vi phạm tội; Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội; tuyên trả cho các chủ sở hữu hợp pháp những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Viết H và bị cáo Phạm Quang D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/8/2022, các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1 hẹn gặp nhau ở sân bóng xã V, huyện B bàn bạc nhau mua ma túy về tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Nguyễn Viết H là người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B; bị cáo Phạm Quang D là người biết các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo Phạm Quang D không ngăn cản, không báo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà vẫn cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Số ma túy còn lại được giám định là chất ma túy Ketamine có khối lượng 0,146 gam. Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Viết H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy

định tại khoản 1 Điều 251 Bộ Luật hình sự; bị cáo Phạm Quang D về tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước về chất gây nghiện ma túy Katamine; như vậy cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Viết H gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bán trái phép chất ma túy xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước về chất gây nghiện ma túy Katamine; như vậy cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Quang D gây ra là nguy hiểm cho xã hội, biết rõ các bị cáo khác đang thực hiện hành vi phạm tội mà bị cáo Phạm Quang D không ngăn chặn, cũng không báo với các cơ quan Nhà nước có thẩm thẩm quyền để ngăn chặn hành vi phạm tội đó; như vậy cần phải xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm đối các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Nguyễn Viết H phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị cáo Phạm Quang D phạm tội không tố giác tội phạm là độc lập được xét xử trong cùng một vụ án. Để có một bản án đúng người, đúng tội và đúng với hành vi của từng bị cáo cần đánh giá, mức độ, tính chất, nhân thân của từng bị cáo.

[7] Đối với các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1; về nhân thân: Các bị cáo đều là người khỏe mạnh, có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Katamine là vi phạm pháp luật; do ham chơi đua đòi các bị cáo đã tổ chức để cho những người khác sử dụng trái phép chất ma túy mà hành vi bị pháp luật cấm, bị coi là phạm tội. Các bị cáo cùng bàn bạc và thực hiện hành vi phạm tội; đánh giá vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; riêng bị cáo Nguyễn Đức Kim B cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, vì bị cáo Nguyễn Đức Kim B đã có đóng góp ủng hộ xã V, huyện B về đích xây dựng nông thôn mới năm 2022; khi lượng hình Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt. Bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1 là người có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; đối với bị cáo Nguyễn Đức Kim B không có tiền án, tiền sự; nhưng trước đó đã có hành vi vi phạm pháp luật bị xử phạt hành chính như vậy đánh giá là nhân thân không tốt. Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ đánh giá các tình tiết đối với từng bị cáo.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Viết H về nhân thân: Bị cáo là người khỏe mạnh, có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy Katamine là vi phạm pháp luật; do muốn kiếm lời từ việc bán ma túy trái phép bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt; bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét quyết hình mức hình phạt đối với bị cáo.

[9] Đối với bị cáo Phạm Quang D về nhân nhân thân: Bị cáo là người khỏe mạnh, có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội không tố giác tội phạm là phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự; do bị cáo cũng là người được sử dụng trái phép chất ma túy Katamine lên bị cáo không tố giác hành vi phạm tội của các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà rèn luyện, phấn đấu trở thành người tốt cho xã hội. Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo Phạm Quang D ra khỏi đời sống xã hội, cũng vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[10] Đối với các đối tượng: Nguyễn Thúy V (14 tuổi 07 tháng 26 ngày) và Dương Thị Thu X (14 tuổi 10 tháng 22 ngày) đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Sơn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

[11] Đối với Dương Công L là chủ quán Karaoke Lâm Phương, quá trình điều tra xác định vào tối 19/8/2022 Dương Công L hoàn toàn không biết nhóm đối tượng trên có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát Karaoke của anh nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Dương Công L. Ngày 22/12/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực văn hóa; an ninh, trật tự và an toàn xã hội đối với Dương Công L với hình thức xử phạt tiền, số tiền 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[12] Đối với người đàn ông đã bán trái phép chất ma túy bị cáo Nguyễn Viết H tại khu vực thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên do bị cáo Nguyễn Viết H không biết tên, tuổi, địa chỉ người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ.

[13] Đối với Dương Văn C đã điều bốn nhân viên nữ đi hát phục vụ nhóm của bị cáo Nguyễn Đức Kim Bảo, do khi bị cáo Phạm Văn T gọi điện

không nói cho Dương Văn C biết sẽ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ.

[14] Đối với Lê Thị N là vợ của bị cáo Nguyễn Viết H, do bị cáo Nguyễn Viết H khi gọi điện chỉ bảo với Lê Thị N lấy bao thuốc lá Thăng Long cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B và nhận tiền do bị cáo Nguyễn Đức Kim B đưa, bị cáo Nguyễn Viết H không nói trong bao thuốc lá có chứa chất ma túy, khi đưa bao thuốc cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B thì Lê Thị N cũng không kiểm tra bên trong có gì, mặt khác bị cáo Nguyễn Đức Kim B cũng không nói là đến để lấy ma túy, do đó không có cơ sở để điều tra, xử lý Lê Thị N trong vụ án này.

[15] Về tang vật của vụ án:

[16] Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền *20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng)* và số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có và dùng vào việc phạm tội.

[17] Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy Ketamine và dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

[18] Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức Kim B.

[19] Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 06 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hành vi phạm tội.

[20] Tuyên trả 03 xe mô tô cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên; đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

[21] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[18] Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[19] Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, đề nghị.

[20] Trong quá trình điều tra, truy tố; Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[21] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Nguyễn Đức Kim B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Kim B 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2022.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2022.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết H phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2022.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang D phạm tội không tố giác tội phạm.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang D 09 (chín) tháng tù; cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

II. Về tang vật của vụ án:

+ Áp dụng điểm a, điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tuyên tịch thu tiệu hủy:

01 (một) phong bì ghi chữ *"Tang vật thu giữ trên mặt đĩa sứ trong phòng hát karaoke"* (cũ), có chữ kỹ cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 0,109 gam Ketamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết). 01 (một) đĩa sứ màu trắng.

Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 354841090520437, lắp sim số thuê bao 0347317567, cũ đã qua sử dụng.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng đồng, số IMEI (khe 1): 353415088726552, số IMEI (khe 2): 353415088726550, lắp sim số thuê bao 0962183266, cũ đã qua sử dụng.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xám, lắp sim số thuê bao 0852762333, cũ đã qua sử dụng.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12, màu xanh, lắp sim số thuê bao 0981566734, số IMEI 1: 865073042036872, số IMEI 2: 65073042036864, cũ đã qua sử dụng.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, màu xám, lắp sim số thuê bao 0963876663, số IMEI: 358438441557667, cũ đã qua sử dụng.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám đen, số thuê bao sim 0349149146, số IMEI: 354452067771092, cũ đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước:

01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước ghi *"20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) thu giữ khi bắt quả tang"*. Bên trong phong bì đựng số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì ghi *"2.700.000 đồng tiền thu giữ của Nguyễn Viết Hải"*. Bên trong phong bì đựng số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tuyên trả:

01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức Kim B, cho bị cáo Nguyễn Đức Kim B.

01 (một) xe mô tô kiểu dáng honda dream màu trắng, tím, biển kiểm soát 12-T1 088.56 mang tên Đàm Văn H, xe cũ đã qua sử dụng. Đây là xe mô tô của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn T1. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

01 (một) xe mô tô kiểu dáng honda dream màu trắng, tím, biển kiểm soát 20- D1 046.65 mang tên Trương Thị T, xe cũ đã qua sử dụng. Đây là xe mô tô của vợ chồng bị cáo Phạm Văn T. Trả cho bị cáo Phạm Văn T.

01 (một) xe mô tô kiểu dáng honda Wave @, biển kiểm soát 21-K1 104.53 mang tên Hà Văn Đ, xe cũ đã qua sử dụng. Đây là xe mô tô của anh Phạm Văn D, sinh năm 1979, trú tại thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (là anh trai ruột của bị cáo Phạm Quang D). Trả cho anh Phạm Văn D.

(Vật chứng và số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Bắc Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn).

III. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức Kim B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Viết H và Phạm Quang D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Đức